TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2024/HS-ST
Ngày 10/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Hà Bửu Khánh**

2/ Ông **Trương Thanh Tuấn**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Huỳnh Thị Phượng**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Điệp**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2024 về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Hoàng H, sinh năm 1968 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Nông dân; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Trần Tấn T, sinh năm 1940 (đã chết) và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1944 (đã chết); Vợ tên Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm 1971; Có 02 người con: Lớn nhất sinh năm 1987 và nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà **Lê Thị Kim D1**, sinh năm 1976

HKTT: Ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Chổ ở hiện nay: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Trần Thị Hương L**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Khu V, phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (Có mặt)

Người làm chứng:

- Bà **Nguyễn Thị Xuân D**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Danh H1**, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào chiều ngày 16/12/2023, Trần Hoàng H điều khiển xe honda chạy đụng vào sạp bán trái cây của bà Lê Thị Kim D1, sau đó xảy ra cự cãi và xô xác đánh nhau với bà Lê Thị Kim D1 và ông Nguyễn Văn B (là chồng của bà D1) không ai bị thương tích, sau khi cự cải xong H bỏ đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ, ngày 17/12/2023 H đã say rượu, H thấy bà D1 và vợ của H là Nguyễn Thị Xuân D ngồi nói chuyện với nhau, H nghĩ là bà D1 bàn tán về chuyện ly hôn của vợ chồng H đồng thời H nhớ lại việc xảy ra mâu thuẫn với vợ chồng bà D1 nên H lấy cây dao tầm bức bằng kim loại dài 36cm trong nhà của mình (là hung khí nguy hiểm) đi bộ từ nhà đến chỗ bà D1 đang bán trái cây, H dùng dao chém một cái trúng vào vùng đầu bà D1 nhưng do bà D1 đội nón lá nên không bị thương tích, sau đó bà D1 bỏ chạy thì H cầm dao rượt đuổi theo bà D1 để chém, khi đó bà D1 đưa tay lên đỡ nên bị chém trúng vào tay phải dẫn đến bị thương tích chảy máu. Khi thấy bà D1 bị thương tích nên H bỏ đi về nhà còn bà D1 được gia đình của H chở lên Trạm y tế xã H điều trị vết thương. Sau đó, Công an xã H mời H làm việc. Tại đây, H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 85/KLTTCT-PY ngày 02/02/2024 của trung tâm pháp y tỉnh K kết luận thương tích của Lê Thị Kim D1 như sau:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám giám định:

+ Hiện tại vùng đầu, không thấy dấu vết thương tích do đả thương.

+ Vết thương vùng 1/3 dưới cẳng tay phải, gãy mỏm trâm trụ phải, hiện xương chưa liền, lệch trục còn gây hạn chế vận động cổ tay phải mức độ vừa.

Kết quả cận lâm sàng: Gãy mỏm trâm trụ phải.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thị Kim D1 tại thời điểm giám định là: 15% (Mười lăm phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Vật gây thương tích:

Hiện tại vùng đầu, không thấy dấu vết thương tích do đả thương nên không có cơ sở kết luận vật gây nên thương tích.

Thương tích ở vùng cẳng tay phải do vật tày có cạnh gây nên.

Vật chứng trong vụ án thu giữ được: Một con dao chất liệu bằng kim loại, màu đen, đã hoen gỉ, phần lưỡi và cán đều làm bằng kim loại. Trong đó tổng chiều dài con dao 36cm, phần lưỡi dao dài 26cm, nơi rộng nhất dài 09cm, nơi hẹp nhất dài 03 cm, phần cán dài 10cm.

Vật chứng không thu giữ được: Một nón lá

Tại bản cáo trạng số: 59/CT- VKS-CT ngày 14/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Hoàng H về tội: "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Hoàng H phạm tội: "Cố ý gây thương tích" và đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Hoàng H** từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự xử tịch thu tiêu huỷ một con dao chất liệu bằng kim loại, màu đen, đã hoen gỉ, phần lưỡi và cán đều làm bằng kim loại. Trong đó tổng chiều dài con dao 36cm, phần lưỡi dao dài 26cm, nơi rộng nhất dài 09cm, nơi hẹp nhất dài 03 cm, phần cán dài 10cm đã qua sử dụng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào chiều ngày 16/12/2023, Trần Hoàng H mâu thuẫn với vợ chồng bà Lê Thị Kim D1 và ông Nguyễn Văn B về việc H chạy xe đụng vào sạp trái cây của bà D1. Đến khoảng 17 giờ, ngày 17/12/2023 H đã say rượu, H thấy bà D1 và vợ của H là Nguyễn Thị Xuân D ngồi nói chuyện với nhau, H nghĩ là bà D1 bàn tán về chuyện ly hôn của vợ chồng H. Đồng thời H nhớ lại việc xảy ra mâu thuẫn với vợ chồng bà D1 nên H lấy cây dao bằng kim loại dài 36cm (là hung khí nguy hiểm) đi bộ từ nhà đến chỗ bà D1 đang bán trái cây, H dùng dao chém một cái trúng vào vùng đầu bà D1 nhưng do bà D1 đội nón lá nên không bị thương tích, sau đó bà D1 bỏ chạy thì H cầm dao rượt đuổi theo bà D1 để chém. Khi H cầm dao lên chém thì bà D1 đưa tay lên đỡ nên bị H chém trúng vào tay phải dẫn đến thương tích hiện tại qua kết quả giám định pháp y của Lê Thị Kim D1 bị tổn thương cơ thể 15% (Mười lăm phần trăm).

Đối chiếu theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự thì "2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: ...; *đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này*". Như vậy, việc bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm (được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự) để gây thương tích cho bà D1 đến 15% đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" như đã viện dẫn ở trên.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo nhận thức được sức khỏe của con người là vô cùng quý giá không gì thay thế được nên mọi hành vi xâm hại trái pháp luật điều bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra thế nhưng khi thấy bà D1 và bà D ngồi nói chuyện với nhau thì bị cáo tự suy đoán bà D1 đang bàn tán về chuyện ly hôn của mình rồi tức giận đồng thời nhớ lại chuyện củ đã xảy ra mâu thuẫn ngày trước cộng với trong người có nồng độ cồn (uống rượu) mà H không kiềm chế được bản thân đã vào nhà lấy dao (tầm bức) đi tìm bà D1 để gây thương tích. Khi gặp bà D1 thì bị cáo đã dùng dao chém một cái vào vùng đầu bà D1 nhưng do bà D1 đội nón lá nên không bị thương tích, khi thấy bà D1 bỏ chạy thì bị cáo lại tiếp tục cầm dao rượt đuổi theo bà D1 để chém thì bà D1 đưa tay lên đỡ nên bị H chém trúng vào tay phải dẫn đến thương tích 15%. Xét thấy mâu thuẫn giữa bị cáo và bà D1 chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong đời sống hàng ngày và cũng chỉ vì suy đoán vô cớ nghĩ bà D1 đang bàn tán chuyện cá nhân gia đình mình mà bị cáo không kiềm chế được đã vào

nhà lấy dao tầm bức là hung khí nguy hiểm để tìm bà D1 giải quyết mâu thuẫn, khi bị cáo dùng dao chém lần đầu trúng vào đầu (Vùng trọng yếu của cơ thể) bà D1 nhưng không bị thương tích đáng lẽ ra bị cáo dừng lại thì hậu quả đáng tiếc không xảy ra mà bị cáo còn tiếp tục rượt đuổi theo bà D1 để chém dẫn đến bà D1 bị thương tích vùng tay và ngày hôm nay bị cáo phải chịu sự nghiêm trị của pháp luật. Từ hành vi sai phạm của bị cáo không những đã gây tổn hại trực tiếp đến sức khỏe cũng như tinh thần của bà D1, làm cho bà D1 phải mất thu nhập trong thời gian điều trị bệnh mà còn thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Do đó, hành vi này cần phải được xử lý nghiêm để răn đe là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian để giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại cho bị hại xong đồng thời bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo và bị cáo cũng có đóng góp cho quỹ vì người nghèo và được Chủ tịch UBND xã H cảm tạ nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX sẽ áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự chuyển sang khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật để xem xét hình phạt cho bị cáo khi lượng hình nhằm có mức án phù hợp cũng đủ nghiêm đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ, tuy nhiên về mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án treo là quá nhẹ, không đủ nghiêm khắc cũng như không tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo như HĐXX đã phân tích như trên.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền điều trị thương tích là 100.000.000 đồng, đại diện gia đình bị cáo là chị L đã thay mặt bị cáo bồi thường xong, bị hại cũng không yêu cầu bồi thường gì thêm và tại phiên toà chị L không yêu cầu nhận lại số tiền này nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[8] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

8.1. Đối với 01 con dao chất liệu bằng kim loại, màu đen, đã hoen gỉ, phần lưỡi và cán đều làm bằng kim loại. Trong đó tổng chiều dài con dao 36cm, phần

lưỡi dao dài 26cm, nơi rộng nhất dài 09cm, nơi hẹp nhất dài 03 cm, phần cán dài 10cm (đã qua sử dụng) đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

8.2. Đối với 01 chiếc nón lá của bà D1 bị H chém trúng trong quá trình điều tra không thu giữ được đồng thời lập biên bản xác minh không thu giữ được chứng cứ này nên HĐXX không xem xét là phù hợp.

[9] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng H phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng H **06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 con dao chất liệu bằng kim loại, màu đen, đã hoen gỉ, phần lưỡi và cán đều làm bằng kim loại. Trong đó tổng chiều dài con dao 36cm, phần lưỡi dao dài 26cm, nơi rộng nhất dài 09cm, nơi hẹp nhất dài 03 cm, phần cán dài 10cm (đã qua sử dụng).

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 44/QĐ-VKSGR ngày 14/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Hoàng H phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Công An huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;
- Bị cáo, người bị hại & NCQLNVLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

(đã ký)

Lữ Cẩm Nhung